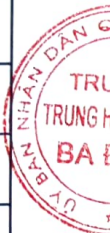


THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường THCS Ba Đình
Năm học 2020 – 2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1287	316	329	365	277
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1243 (96.6%)	297 (94%)	322 (97.9%)	350 (95.9%)	274 (98.9%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	44 (3.4%)	19 (6%)	7 (2.1%)	15 (4.1%)	3 (1.1%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1287	316	329	365	277
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	523 (40.6%)	125 (39.6%)	153 (46.5%)	139 (38.2%)	106 (38.3%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	484 (37.6%)	131 (41.5%)	110 (33.5%)	137 (37.5%)	106 (38.3%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	249 (19.4%)	45 (14.2%)	56 (17%)	83 (22.7%)	65 (23.4%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	30 (2.3%)	14 (4.4%)	10 (3%)	6 (1.6%)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.1%)	1 (0.3%)	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1287	316	329	365	277
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1256 (97.6%)	301 (95.3%)	319 (97%)	359 (98.4%)	277 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	523 (40.6%)	125 (39.6%)	153 (46.5%)	139 (38.2%)	106 (38.3%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	484 (37.6%)	131 (41.5%)	110 (33.5%)	137 (37.5%)	106 (38.3%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	30 (2.3%)	14 (4.4%)	10 (3%)	6 (1.6%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0.5%)	5 (1.6%)	0	1 (0.3%)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số): - Chuyển đến - Chuyển đi	21 (1.6%) 51 (3.9%)	2 (0.6%) 3 (0.9%)	10 (3.0%) 14 (4.2%)	5 (1.4%) 18 (4.9%)	4 (1.4%) 16 (5.8%)



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	44	4	9	9	22
1	Cấp quận	39	2	8	8	21
2	Cấp thành phố	3	2		1	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	2		1		1
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	277				277
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	277				277
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	106 (38.3%)				106
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	106 (38.3%)				106
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	65 (23.4%)				65
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ: Nữ	617	159	142	175	141
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	12	4	3	3	2

Ba Đình, ngày 01 tháng 09 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Dặng Thị Ngọc Hương

